TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN SƠN TỊNH** **TỈNH QUẢNG NGÃI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập –Tự do –Hạnh phúc**

Bản án số: 91/2019/HNGĐ-ST
Ngày 22/8/2019
V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SƠN TỊNH, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Thanh Hòa.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lương Đình Tiến.

2. Bà Cao Thị Ngọc Đạo.

- *Thư ký phiên tòa*: Ông Lưu Tấn Tâm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Sơn Tịnh.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Tịnh tham gia phiên tòa*: Bà Lê Thị Mỹ Loan – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Sơn Tịnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 84/2019/TLST-HNGĐ ngày 24/6/2019 về việc "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 02/8/2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Kim N, sinh năm 1997.

Hộ khẩu thường trú: Xóm 4, thôn T, xã T, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi. Địa chỉ hiện nay: Xóm 5, thôn T, xã T, huyện S, tỉnh Quảng ngãi, có mặt.

2. Bị đơn: Anh Tạ Duy C, sinh năm 1995.

Địa chỉ: Xóm 4, thôn T, xã T, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 16/6/2019; bản tự khai ngày 24/6/2019, biên bản hòa giải ngày 04/7/2019 và tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Tạ Duy C trước khi kết hôn có tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T vào ngày 28/7/2017. Thời gian đầu, vợ chồng sống hạnh phúc, nhưng từ khi chị và anh C có con chung, vợ chồng thường xuyên cải vã nhau. Lúc con được 09 tháng tuổi, thì anh C có biểu hiện ngoại tình, không lo làm ăn, không chăm sóc gia đình vợ con. Kinh tế gia đình ngày càng khó khăn nên mâu thuẫn vợ chồng ngày càng

trầm trọng, nhưng chị vẫn cố gắng nhẫn nhịn, chịu đựng bỏ qua tất cả để mong muốn gia đình đoàn tụ, mong anh C thay đổi tính tình, tu chí làm ăn. Đến tháng 02/2019, anh C có công việc làm ở huyện Bình Sơn, thời gian đầu, anh C hay về nhà, có thể hiện chăm sóc vợ con. Sau đó, anh C thường xuyên ở lại chỗ làm, ăn nhậu. Hôm nào về nhà thì anh C luôn có thái độ thiếu tôn trọng vợ con và càng không quan tâm đến gia đình, từ đó tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạc. Cha chồng thì luôn trách móc chị mỗi khi vợ chồng cải vã nhau. Vì vậy, mâu thuẫn giữa chị và anh C ngày càng trầm trọng. Nhận thấy không thể hàn gắn được tình cảm vợ chồng nên ngày 13/5/2019 chị bồng con về nhà mẹ đẻ ở xã Tịnh Thọ để sinh sống nhưng phía chồng và anh C không cho. Từ đó, chị và C ly thân từ tháng 5/2019 đến nay. Chị yêu cầu Tòa án gải quyết cho chị được ly hôn anh Tạ Duy C.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên là: Tạ Thùy Ng, sinh ngày 21/8/2017, hiện đang ở với anh C. Khi ly hôn, chị yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Ng; không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung : Vợ chồng không nợ ai, không ai nợ vợ chồng.

Tại bản tự khai ngày 27/6/2019, tại phiên hòa giải ngày 04/7/2019 và tại phiên tòa sơ thẩm bị đơn anh Tạ Duy C trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Việc tìm hiểu về tình cảm và kết hôn đúng như chị Nguyễn Thị Kim N trình bày. Đối với nguyên nhân mâu thuẫn thì: Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc tại phía nhà cha mẹ anh ở xã Tịnh Hà, huyện Sơn Tịnh được khoảng 2 năm 8 tháng thì vợ chồng cũng có cải vã nhau nhưng không đến mức trầm trọng. Anh làm nghề lái xe nên phải thường xuyên ở ngoài đường, có quan hệ giao lưu với bạn bè là chuyện đời thường. Chị N nghi ngờ anh ngoại tình nhưng không có bằng chứng. Chị N đã tự bỏ về nhà cha mẹ ruột ở, vợ chồng ly thân, nay chị N nhất quyết yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn thì anh đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung Tạ Thùy Ng, sinh ngày 21/8/2017, hiện đang ở với anh. Trước đây, anh C yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Ng; không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con. Tại phiên tòa, anh có thay đổi ý kiến: Anh đồng ý giao con chung cho chị N trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục. Anh không cấp dưỡng nuôi con do chị N không có yêu cầu.

Về tài sản chung: Anh thống nhất với chị N vợ chồng không có tài sản chung.

Về nợ chung: Vợ chồng không nợ ai, không ai nợ vợ chồng.

Ý kiến của Kiểm sát viên:

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, HĐXX, người tham gia tố tụng từ khi thụ lý cho đến khi HĐXX vào nghị án và phát biểu về việc giải quyết vụ án: Việc Thẩm phán, Thư ký, HĐXX đã tuân theo các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Các đương sự: Nguyên đơn chấp hành đúng theo quy định tại Điều 70, 71, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015. Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điều luật: Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 262 Bộ luật TTDS; các Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Đề nghị HĐXX tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Kim N và anh Tạ Duy C.

Về con chung: C nhận sự thỏa thuận giữa chị Nguyễn Thị Kim N và anh Tạ Duy C về việc: Giao cháu Tạ Thùy Ng, sinh ngày 21/8/2017 hiện đang do anh Tạ Duy C nuôi dưỡng cho chị Nguyễn Thị Kim N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng; anh Tạ Duy C không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, nên đề nghị không xét.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc chị N phải chịu tiền án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn yêu cầu *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"* được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn có nơi cư trú tại huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Sơn Tịnh được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Kim N và anh Tạ Duy C tự nguyện tìm hiểu, được đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tịnh Hà ngày 28 tháng 7 năm 2017 là hợp pháp, được quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình.

Đối với yêu cầu về việc ly hôn của chị Nguyễn Thị Kim N: Tại phiên họp về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 04/7/2019, chị Nguyễn Thị Kim N và anh Tạ Duy C đã thuận tình ly hôn. Tại phiên tòa, chị N và anh C tiếp tục thống nhất thuận tình ly hôn. Việc thuận tình ly hôn giữa chị N và anh C là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội. Căn cứ vào Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Kim N và anh Tạ Duy C.

[2.2] Về việc trực tiếp nuôi con chung sau khi ly hôn: Chị Nguyễn Thị Kim N và anh Tạ Duy C có con chung Tạ Thùy Ng, sinh ngày 21/8/2017, hiện đang do anh C nuôi dưỡng. Trước khi mở phiên tòa và tại phần thủ tục phiên tòa, chị Nguyễn Thị Kim N anh Tạ Duy C có tranh chấp về việc ai là người trực tiếp nuôi con chung Tạ Thùy Ng, nhưng tại phần tranh tụng, anh C thống nhất với chị N giao con chung Tạ Thùy Ng cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng. HĐXX nhận định việc thỏa thuận của các đương sự về việc nuôi con chung hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội. Căn cứ vào các Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình ghi nhận sự thỏa thuận giữa chị N và anh C, về việc: Giao cháu Tạ Thùy Ng, sinh ngày 21/8/2017 hiện đang do anh Tạ Duy C nuôi dưỡng cho chị Nguyễn Thị Kim N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Chị N không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không nhận định.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết; vợ chồng không nợ ai, không ai nợ vợ chồng nên Hội đồng xét xử không nhận định.

[3] Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Vụ án được xét xử theo thủ chung, căn cứ vào Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị Nguyễn Thị Kim N phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

[4] Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Tịnh phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên ghi nhận.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 235, Điều 266, Điều 271 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 55, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQHH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

1. Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Kim N và anh Tạ Duy C.

2.Về con chung: Ghi nhận sự thỏa thuận giữa chị N và anh C về việc trực tiếp nuôi con chung: Anh Tạ Duy C giao cháu Tạ Thùy Ng, sinh ngày 21/8/2017 (hiện đang do anh C trực tiếp nuôi dưỡng) cho chị Nguyễn Thị Kim N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng.

Anh Tạ Duy C có quyền thăm nom con chung, không ai được quyền cản trở anh Phi thực hiện quyền này. Trường hợp anh C lạm dụng việc thăm nom con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng đến việc trông nom, chăm sóc, giáo

dục, nuôi dưỡng con thì chi N có quyền yêu cầu Tòa án quyết định hạn chế quyền thăm nom con của anh C.

Vì lợi ích của con chung, chị N và anh C hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình có quyền yêu cầu Tòa án quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Khi có lý do chính đáng, chị N và anh C có thể thỏa thuận việc cấp dưỡng nuôi con, nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Tạ Duy C không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm; chị Nguyễn Thị Kim N phải chịu án phí ly hôn là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) theo Biên lai thu tiền số: AA/2016/ 0003137 ngày 24 tháng 6 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sơn Tịnh, chị N đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm;

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a ,7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Kim N và anh Tạ Duy C có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện Sơn Tịnh;
- Chi cục THADS huyện Sơn Tịnh;
- UBND xã Tịnh Hà;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trương Thanh Hòa